

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PRÔNG
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/DSST
Ngày 16/01/2019
Về tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PRÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đào Minh Chính**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Đức**.

2. Bà **Bế Thị Hợi**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hà Đức Quang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông **Lê Văn Sơn** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2018/TLST-DS ngày 11/7/2018, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QĐST-DS ngày 27/12/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP N; địa chỉ: 198 T, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nghiêm Xuân T**, chức vụ: Chủ tịch HĐQT. Người được ủy quyền khởi kiện và tham gia tố tụng: Ông **Trương Anh**, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP N Chi nhánh GL. Người được ủy quyền lại: Ông **Nguyễn Hồ Trung Â**, chức vụ: Phó trưởng phòng bán lẻ - Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh GL, địa chỉ: 33 Q, thành phố P, tỉnh GL. Ông **Nguyễn Hồ Trung Â** có mặt.

(Theo Giấy ủy quyền số 213/UQ-VCB-PC ngày 12/4/2016 của Ngân hàng TMCP N Giấy ủy quyền lại số 426/UQ-NHNT.GL ngày 11/7/2018 của Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh GL).

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1976; địa chỉ: thôn P, xã Ia, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. Bà N vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2018 của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP N và các tài liệu, chứng cứ có trong vụ án thì: Ngày 30/3/2018, Ngân hàng TMCP N ký với bà Nguyễn Thị N cho vay bán lẻ số 2026/18/CT/NHNT số tiền 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) để làm kinh tế gia đình, thời hạn vay là 11 tháng, kể từ ngày rút vốn, lãi suất cho vay là 9,3%/năm cố định trong thời hạn thực hiện hợp đồng, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn là 130% lãi suất cho vay. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Ngọc đã vi phạm, cụ thể đến kỳ hạn trả lãi bà N chỉ trả tiền lãi của tháng 4/2018, sau đó bà N không trả tiền lãi mặc dù Ngân hàng đã gửi giấy mời, ra thông báo nhưng bà N vẫn không chịu trả nợ nên theo quy định tại Điều 10 của Hợp đồng tín dụng số 2026/18/CT/NHNT ngày 30/3/2018 bà N đã vi phạm và đến ngày 07/6/2018 đã chuyển quá hạn lãi. Nay Ngân hàng căn cứ vào các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải thực hiện nghĩa vụ sau:

- Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng), tiền lãi tính đến ngày 16/01/2019 là 87.776.712 đồng (tám mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ. Tổng cộng tiền gốc và lãi tính đến ngày 16/01/2019 là 1.387.776.712 đồng (một tỷ ba trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai đồng).

- Nếu bà Nguyễn Thị N không trả được nợ thì đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 28/04A/NHNT ngày 28/4/2017 theo quy định của pháp luật để Ngân hàng thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là thửa đất số 51a.1, tờ bản đồ số 20, diện tích 31.558m² tại thôn Phú Mỹ, xã Ia Băng, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. Thửa đất nói trên đã được Ủy ban nhân dân huyện Chư Prông cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BN642180, số vào sổ H201188 ngày 04/4/2014 đứng tên ông Phạm Văn Q và bà Nguyễn Thị N. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã chuyển quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị N theo văn bản phân chia tài sản tài sản thừa kế được Ủy ban nhân dân xã Ia Băng, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai chứng thực số 30, quyển số 01-SCT/HĐGD ngày 25/4/2017). Hợp đồng thế chấp được Phòng công chứng số 01 tỉnh Gia Lai công chứng ngày 28/4/2017 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai – Chi nhánh huyện Chư Prông ngày 28/4/2017.

Tại biên bản xác minh đề ngày 11 tháng 7 năm 2018, Công an xã Ia Băng xác định: Bà Nguyễn Thị N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã Ia Băng, huyện Chư Prông. Bà Nguyễn Thị N sau khi được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; các lần triệu tập đến tham gia phiên toà nhưng bà Ngọc không có mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn bà Nguyễn Thị N không chấp hành các quy định của luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Về hợp đồng tín dụng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) nợ gốc và tiền lãi phát sinh như theo thỏa thuận của hợp đồng. Trong trường hợp bị đơn không trả được nợ thì đề nghị Tòa án giải quyết tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 28/04A/NHNT ngày 28/4/2017 để thu hồi nợ. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Về chi phí tố tụng buộc bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng vì vậy buộc bà Nguyễn Thị N phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử vụ án nêu trên nhưng bà N vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ngân hàng TMCP N ủy quyền cho Chi nhánh GL, khởi kiện bà Nguyễn Thị N để đòi số nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 2026/18/CT/NHNT ngày 30/3/2018. Ngoài ra Ngân hàng còn yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 28/04A/NHNT ngày 28/4/2017 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Do vậy đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tranh chấp hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số 2026/18/CT/NHNT ngày 30/3/2018 được ký kết giữa một bên là Ngân hàng và một bên là bà Nguyễn Thị N có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên phát sinh các quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Ngân hàng đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị N vay số tiền 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng), mục đích để làm kinh tế gia đình, thời hạn cho vay là 11 tháng kể từ ngày 30/3/2018, lãi suất cho vay là 9,3%/năm cố định trong thời hạn thực hiện hợp đồng, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn là 130% lãi suất cho vay. Việc các bên thỏa thuận về mức lãi suất, điều chỉnh lãi suất và lãi quá hạn trên nợ gốc là hoàn toàn

phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy khoản vay chưa đến hạn trả nợ gốc (28/02/2019) nhưng đến hạn trả lãi hàng tháng bà N không trả lãi cho Ngân hàng như đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay quy định tại Điều 10 của Hợp đồng tín dụng số 2026/18/CT/NHNT ngày 30/3/2018 nên Ngân hàng khởi kiện buộc bà N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) là có căn cứ pháp luật nên chấp nhận.

Về yêu cầu trả nợ lãi: Xét sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên là phù hợp với Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Đại diện nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi phù hợp với chính sách lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, đúng theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về lãi suất. Đối chiếu bảng sao kê về lãi suất do nguyên đơn cung cấp thì tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 16/01/2019, bà Nguyễn Thị N còn nợ nguyên đơn số tiền lãi trong hạn là 87.776.712 đồng như đại diện phía nguyên đơn trình bày là có cơ sở, nên cần chấp nhận.

Như vậy cần buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 1.387.776.712 đồng (một tỷ ba trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai đồng), trong đó nợ gốc 1.300.000.000 đồng, tiền lãi là 87.776.712 đồng.

[4] Về xử lý tài sản thế chấp: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 28/04A/NHNT lập ngày 28/4/2017 giữa Ngân hàng với bà Nguyễn Thị N, thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất số BN642180 nhưng không nêu rõ là để đảm bảo cho khoản vay của hợp đồng tín dụng nào. Tuy nhiên căn cứ vào thời điểm xác lập hợp đồng và lời trình bày của đương sự thì có căn cứ khẳng định hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 28/04A/NHNT lập ngày 28/4/2017 là để bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 2026/18/CT/NHNT ngày 30/3/2018. Nội dung hợp đồng thế chấp số 28/04A/NHNT ngày 28/4/2017 là thế chấp quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 51a.1 thuộc tờ bản đồ số 20; diện tích 31.558m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN642180 do Ủy ban nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai cấp ngày 04/4/2014, vị trí đất tại thôn Phú Mỹ, xã Ia Băng, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã chuyển quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Ngọc theo văn bản phân chia tài sản thừa kế được Ủy ban nhân dân xã Ia Băng, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai chứng thực số 30, quyền số 01-SCT/HĐGD ngày 25/4/2017). Hợp đồng được công chứng tại Phòng công số 01 tỉnh Gia Lai và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai, chi nhánh huyện Chư Prông theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm. Nội dung và hình thức của Hợp đồng thế chấp đối với tài sản này là đúng theo quy định tại các Điều 117; Điều 118; Điều 119; Điều 317; Điều 318; Điều 319 của Bộ luật dân sự; Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và các Nghị định của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm nên phát sinh hiệu lực. Do vậy nếu bà Nguyễn Thị N không thực hiện đúng nghĩa vụ thì Ngân hàng có

quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai xử lý quyền sử dụng đất trên và tài sản gắn liền với đất (nếu có) để thu hồi nợ.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ các Điều 157; Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự, số tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Nguyên đơn Ngân hàng TMCP N đã nộp tạm ứng là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị N phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng. Do vậy bà Nguyễn Thị N phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ trả nợ theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 229; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 117; Điều 118; Điều 119; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N, buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng TMCP N thông qua Chi nhánh GL số tiền gốc 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng). Tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (**16/01/2019**) là 87.776.712 đồng (tám mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai đồng). Tổng cộng là 1.387.776.712 đồng (một tỷ ba trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (**16/01/2019**) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp bà Nguyễn Thị N không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát

mại tài sản để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 28/04A/NHNT ngày 28/4/2017 được Phòng công chứng số 01 tỉnh Gia Lai công chứng ngày 28/4/2017 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai – Chi nhánh huyện Chư Prông ngày 28/4/2017 để thu hồi nợ.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn bà Nguyễn Thị N phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Do nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên bị đơn bà Nguyễn Thị N phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

4. Về án phí:

- Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu 53.633.301 đồng (năm mươi ba triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn ba trăm lẻ một đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị N chưa nộp án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP N thông qua Chi nhánh GL 25.743.400 đồng (Hai mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0002180 ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Prông;
- Chi cục THADS huyện Chư Prông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đào Minh Chính

